

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA
Số: 35/2024/HS-ST
Ngày 03/12/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Túy

Bà Lê Hoàn Sinh (Bí thư đoàn thanh niên xã

Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa)

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên toà:**
Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST- HS ngày 20/11/2024 đối với các bị cáo:

1. **Lê Ngọc T**, sinh ngày 20/9/1988; Giới tính: Nam; Số CCCD: 038088002569; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Ngọc K, sinh năm 1956; Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/9/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Ngọc T1**, sinh ngày 02/6/1985; Giới tính: Nam; Số CCCD: 038085015936; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Ngọc K, sinh năm 1956; Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1983; Có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/9/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Ngọc T2**, sinh ngày 25/3/2008; Giới tính: Nam; Số CCCD: 038208015359; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Ngọc T, sinh năm 1988 (bị cáo trong cùng vụ án); Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/9/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bào chữa cho bị cáo T2: Bà Nguyễn Thị Ngọc T3 Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (có mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 2003 (có mặt).
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (có mặt).
3. Anh Lê Ngọc T4, sinh năm 2009 (có mặt).
4. Chị Phạm Thị T5, sinh năm 1994 (vắng mặt)
5. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1950 (có mặt).
6. Anh Nguyễn Đình H2, sinh năm 1995 (vắng mặt)
7. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1983 (có mặt).

Đều có nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn Kim Bôi, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

8. Anh Nguyễn Đình T6, sinh năm 2000 (có mặt).

Quê quán: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số C, Ngõ C, TDP số B, phường X, quận B, TP Hà Nội.

9. Anh Lê Huy H3, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tiểu khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

10. Thiều Sỹ Đ, sinh năm 2006 (vắng mặt)

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn Phúc Triền 1, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa

11. Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1974 (có mặt).

12. Chị Lê Thị H4, sinh năm 1989 (có mặt).

Đều có nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ ngày 13/6/2024, Lê Ngọc T đang lái xe ô tô chở vợ là Nguyễn Thị H và con là Lê Tuệ N3 đi về nhà. Khi T lái xe đi qua hầm cầu chui thuộc thôn K, xã Đ, huyện Đ thì gặp chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 2003, ở thôn K, xã Đ (là hàng xóm) đi xe máy ngược chiều. Lúc này, T đánh lái sang phần đường của chị H1 làm chị H1 giạt mình. Sau đó chị H1 dừng xe lại và nói: “*Mi đi thế à?*” Thấy chị H1 quay lại nói, T cho rằng chị H1 chửi mình nên quay xe lại đi theo chị H1 để hỏi xem tại sao lại chửi. Khi T lái xe đi đến ruộng mạ bên đường cách hầm cầu chui 300 mét thì gặp chị H1, anh trai chị H1 là anh Nguyễn Đình T6, sinh năm 2000 và em họ là Nguyễn Đình H2, sinh năm 1995, cùng ở thôn K, xã Đ đang nhổ mạ, T xuống xe rồi nói với H1 “*Mi đi kiểu đó, lần sau ra đường tau gặp tau đánh chết.*” Nghe T nói vậy anh T6 liền nói “*Có đánh thì đánh tao đây*”. Sau đó giữa T và anh T6 chửi nhau, thách thức đánh nhau. Thấy vậy, chị H đang bế con nhỏ trên xe gọi điện thoại cho Lê Ngọc T1, sinh năm 1985, ở cùng thôn (là anh trai T) và Lê Ngọc T2 (là con trai) ra để can ngăn.

Khi nhận được điện thoại của chị H thì T1 đi bộ từ nhà ra ruộng mạ. T1 thấy anh T6 và T đang cãi nhau nên T1 nói với anh T6 “*Toán ơi, anh đã ra đây rồi, có chi em nói với anh*”, anh T6 liền nói: “*Vâng*” Nghe anh T6 nói vậy, T1 liền đi bộ về. Khi T1 quay đầu ra về, anh T6 đi lên bờ, giữa T và anh T6 lại chửi nhau và dùng tay đấm nhau. Thấy vậy, T1 quay lại can ngăn. Khi T1 dùng tay đẩy anh T6, anh T6 liền dùng tay đấm trượt vào má bên trái của T, thấy anh T6 dùng tay đấm mình, T1 dùng tay đấm một cái vào người anh T6 nên anh T6 đi xuống ruộng.

Khoảng 19 giờ 30, Lê Ngọc T2 đang ngồi uống nước ở xã T, huyện T cùng với Lê Huy H3, sinh năm 2005 ở thị trấn T, huyện T và Thiệu Sỹ Đ sinh năm 2006 ở thôn P, xã Đ thì nhận được điện thoại của chị H: “*Mi về đi, bố mi đang đánh nhau với nhà Chín T7, mẹ đang bế em, mẹ không can được, mi về can bố mi đi.*” Nghe vậy, T2 liền quay sang nói với H3 và Đ: “*Đi về nhà em tý rồi lên*” H3 và Đ đồng ý, H3 điều khiển xe và chở T2 ngồi giữa, Đ ngồi sau đi về thôn K, xã Đ. Khi về đến gần nhà T, H3 dừng xe, T2 đi bộ vào nhà, còn H3 và Đ đứng ngoài xe chờ Thao. Khi T2 đi bộ vào nhà ông Lê Ngọc K (là bố đẻ của T1, T) thì ông K nói: “*Bố mẹ mi đang đánh nhau ở ngoài đường mới*”. Nghe vậy, T2 đi vào phòng ông K lấy thanh kiếm mà ông K để trong phòng và đi ra chỗ H3 và Đ đang chờ. T2 bảo H3: “*Đi ra đường mới*”, H3 điều khiển xe đi ra ruộng mạ theo chỉ dẫn của T2. Khi đến nơi, H3 dừng xe đi theo sau T2, còn Đ vẫn ngồi cạnh xe của H3 đang dựng bên lề đường. Thấy T đang đứng trên đường chửi nhau với anh T6 đang dưới ruộng mạ nên T2 cầm thanh kiếm lao xuống ruộng mạ để dọa đánh anh T6. Thấy vậy, T đến chỗ T2 và ôm T2 kéo lên bờ. Sau đó, T giật thanh kiếm của T2 và đưa cho chị Phạm Thị

T5, sinh năm 1993, ở thôn K, xã Đ (là chị họ của T) và chị T5 cầm thanh kiếm về nhà ông K. Khi chị T5 cầm thanh kiếm đi về, anh T6, chị H1 và anh H2 đi lên đường gom cao tốc và mọi người ra về. Khi T, T2, anh T6, T1, chị H1 và anh H2 đang đi bộ về thì anh T6 vỗ vai T2 và nói: “*Mi là quân nít, tao không nói chuyện với mi. Còn mi mà lên trường, tao đánh mi chết*”. Nghe T6 nói vậy, T2 liền lao vào đâm anh T6, anh T6 đâm lại T2. Thấy anh T6 đâm T2, T1 và T cùng lao vào dùng tay chân đánh T6. Khi bị T1, T2 và T đánh, anh T6 chống đỡ và bỏ chạy trên đường gom cao tốc.

Khoảng 20 giờ, Lê Ngọc T4 (là con trai của Lê Ngọc T1) đi về nhà và gặp ông K thì ông K nói rằng bố T4 đang ngoài khu nước mạ. Nghe vậy, T4 liền đi ra khu vực nước mạ, nơi T1, T và T2 đang đuổi đánh anh T6. Khi ra đến nơi, T4 thấy T1, T2 và T đang đuổi đánh anh T6 nên T4 cũng chạy theo và dùng chân đạp anh T6. Anh T6 bị T1, T2, T và T4 cùng đuổi đánh nên bỏ chạy trên đường gom cao tốc thì anh H2 và mọi người can ngăn. Ngay sau đó, anh H2 điều khiển xe mô tô chở anh T6 về nhà. Tuy nhiên Lê Ngọc T4, sinh ngày 19/11/2009 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Theo báo cáo của Trưởng thôn Kim B, Công an xã Đ và báo cáo và đề nghị của Mặt trận tổ quốc xã Đ, Đoàn thanh niên xã Đ và Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ: Khoảng 19 ngày 13/6/2024, tại đoạn đường giáp đường cao tốc ở thôn K, xã Đ xảy ra vụ việc một nhóm người gồm anh Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1, Lê Ngọc T2 lừa đuổi và xô xát với anh Nguyễn Đình T6. Hành vi trên đã gây mất an ninh, trật tự, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự trên địa bàn xã Đ đề nghị xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi “*Gây rối trật tự công cộng*”. (BL 01,05-09).

Vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm:

- 01 (một) cây kiếm dài 95 cm, có cán cầm bằng nhựa màu đen có quấn dây, thân kiếm bị cong vênh, hoen rỉ, lưỡi kiếm bằng kim loại dài 70 cm, mũi nhọn; hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1 và Lê Ngọc T2 về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 318; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Lê Ngọc T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ

18 tháng đến 24 tháng; Lê Ngọc T1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 318; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự; xử phạt: và Lê Ngọc T2 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kiếm dài 95 cm, có cán cầm bằng nhựa màu đen có quấn dây, thân kiếm bị cong vênh, hoen rỉ, lưỡi kiếm bằng kim loại dài 70 cm, mũi nhọn;

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo T, T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Trợ giúp viên Pháp lý bào chữa cho bị cáo T2 đồng tình với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 BLHS cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất bởi bị cáo tuổi đời còn trẻ, phạm tội do bột phát

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, người làm chứng, phù hợp với chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 13/6/2024 trên đường gom cao tốc Bắc Nam thuộc địa phận thôn K, xã Đ, huyện Đ, do mâu thuẫn trong khi tham gia giao thông giữa Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị H1, dẫn đến việc T phát sinh mâu thuẫn với anh trai chị H1 là Nguyễn Đình T6. Quá trình nói chuyện, anh T6 và T đã chửi nhau, thách thức đánh nhau, sau đó Lê Ngọc T2, Lê Ngọc T1 và Lê Ngọc T đuổi, đánh anh T6 trên đường gom cao tốc Bắc Nam gây mất an ninh, trật tự, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Hành vi của các bị cáo Lê Ngọc T2, Lê Ngọc T1 và Lê Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại

khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn nơi công cộng, xâm phạm đến các quy tắc xã hội, cản trở đến sinh hoạt bình thường của quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý vụ án nghiêm minh.

[4] Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn bởi các bị cáo đều cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự bàn bạc từ trước, đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và có vị trí ngang nhau trong vụ án.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, i khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo cáo Lê Ngọc T1 và Lê Ngọc T cho các bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi cư trú cũng đủ sức giáo dục cải tạo đối với bị cáo. Đối với bị cáo T2 khi phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên áp dụng Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là đúng với nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[6] Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kiếm dài 95 cm, có cán cầm bằng nhựa màu đen có quấn dây, thân kiếm bị cong vênh, hoen rỉ, lưỡi kiếm bằng kim loại dài 70 cm, mũi nhọn; hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 318; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Ngọc T1 và Lê Ngọc T.

Khoản 1 Điều 318; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Ngọc T2.

Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1 và Lê Ngọc T2 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt: Lê Ngọc T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Lê Ngọc T1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Lê Ngọc T2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo

G các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1 cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 Điều 92; Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên.

Giao bị cáo Lê Ngọc T2 cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kiếm dài 95 cm, có cán cầm bằng nhựa màu đen có quần dây, thân kiếm bị cong vênh, hoen rỉ, lưỡi kiếm bằng kim loại dài 70 cm, mũi nhọn; hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Về án phí: Các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1, Lê Ngọc T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn;
- Thi hành án Đông Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Cao Văn Tuấn

